

BẢN TIN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Số 1 - Quý I/2015



★ TIN TRUNG ƯƠNG

Hội nghị Triển khai kế hoạch năm 2015 Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam gắn với việc thực hiện Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng



Ảnh: Ông Nguyễn Bá Ngải - Phó tổng cục trưởng Tổng cục lâm nghiệp phát biểu tại Hội nghị - Nguồn ảnh: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015 tại Hà Nội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) tổ chức Hội nghị “Triển khai kế hoạch năm 2015 Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam gắn với việc thực hiện Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng”.

Hội nghị tổ chức nhằm tổng kết những kết quả đã đạt được, xác định những tồn tại, khó khăn trong thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2014, thảo luận tìm ra các nguyên nhân, từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy thực thi chính sách, đặc biệt là thúc đẩy việc thu nộp tiền dịch vụ môi trường rừng và giải ngân đầy đủ, kịp thời đến các chủ rừng trong năm 2015 trên phạm vi toàn quốc.

Sau 4 năm triển khai thực hiện, chính sách chi trả DVMTR đã khẳng định hướng đi đúng đắn, mang lại những >

Trong số này

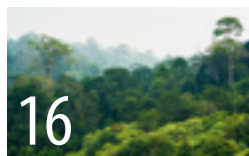


06 Nghiên cứu xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng trong hoạt động nuôi cá nước lạnh tại tỉnh Lào Cai

09 Hội thảo đánh giá hiện trạng và đề xuất cấu trúc hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về chi trả dịch vụ môi trường rừng

11 Chế tài xử phạt vi phạm quy định về chi trả DVMTR

13 Các văn bản liên quan đến thực thi chính sách chi trả DVMTR



16 Đề án thực hiện chính sách chi trả DVMTR tỉnh Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020

25 Quyền Carbon ở Việt Nam

27 Chuyên mục hỏi đáp

hiệu quả nhất định, từng bước đi vào cuộc sống, tạo lập nguồn lực tài chính mới, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, góp phần cải thiện sinh kế, tăng thu nhập, nâng cao đời sống của người làm nghề rừng và đồng bào các dân tộc ở các vùng miền núi.

Đến nay, toàn quốc đã có 37 tỉnh thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh; từ năm 2011 đến 2014 cả nước đã thu được 3.893 tỉ đồng tiền DVMTR (bình quân khoảng gần 1.000 tỉ đồng/năm); thu nhập từ tiền chi trả DVMTR của hộ nhận khoán bảo vệ rừng đã có bước cải thiện đáng kể, trung bình khoảng 1,8 triệu đồng/hộ; góp phần quản lý bảo vệ khoảng 5,78 triệu ha rừng cung ứng DVMTR.

Năm 2015, Mục tiêu phấn đấu là duy trì nguồn thu đạt khoảng 1.307 tỷ đồng, bảo đảm chi trả kịp thời cho trên 5 triệu ha rừng được quản lý bảo vệ bằng tiền DVMTR.

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp Nguyễn Bá Ngải nhấn mạnh phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2015 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam là tập trung sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời đẩy nhanh tiến độ ủy thác tiền dịch vụ môi trường rừng, tăng cường công tác kiểm tra giám sát đảm bảo công bằng, công khai.

 **BDP VNFF**

Ảnh: Suu tâm

Thông báo Kết luận Hội nghị

Trên cơ sở báo cáo của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam tại Hội nghị và các ý kiến đóng góp của đại biểu, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp Nguyễn Bá Ngải đã kết luận tại Thông báo số 350/TB-TCLN-VP ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Tổng cục Lâm nghiệp: đánh giá cao những kết quả hoạt động trong năm 2014, những khó khăn, hạn chế cần được khắc phục trong năm tới nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách; bên cạnh đó, tiếp tục phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm tới.

Đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc liên quan đến thực hiện Nghị định 99/2010/NĐ-CP và Nghị định 05/2008/NĐ-CP của Chính phủ để tham mưu, sửa đổi cho phù hợp thực tế; Tiếp tục phối hợp, nghiên cứu, cụ thể hóa quy định về dịch vụ hấp thụ cacbon, dịch vụ cung ứng bãi đỗ, nguồn thức ăn con giống tự nhiên trong nuôi trồng thủy sản, DVMTR đối với cơ sở

sản xuất công nghiệp; Tham mưu thành lập Quỹ REDD+ Việt Nam; Tham mưu Bộ NN&PTNT trình Thủ tướng Chính phủ cho phép địa phương sử dụng tiền DVMTR năm 2011, 2012, 2013 chưa có đối tượng chi để sử dụng vào mục đích bảo vệ và phát triển rừng; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách trên toàn quốc...

Đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh: hoàn thành công tác nghiệm thu, giải ngân và quyết toán tiền DVMTR năm 2014 theo quy định; khẩn trương xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch thu – chi tiền DVMTR năm 2015; Kế thừa kết quả dự án Tổng điều tra, kiểm kê rừng để rà soát dứt điểm ranh giới, diện tích rừng đến các chủ rừng trong lưu vực có cung ứng DVMTR làm cơ sở thực hiện chính sách; tăng cường công tác thông tin, truyền thông dưới nhiều hình thức, đến mọi đối tượng có liên quan...

 **BDP VNFF**



Kế hoạch thu, chi năm 2015 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam

Bộ NN&PTNT đã phê duyệt kế hoạch thu, chi năm 2015 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam tại Quyết định số 775/QĐ-BNN-TCLN ngày 09 tháng 3 năm 2015. Theo đó, kế hoạch tổng thu và tổng chi bằng nhau là hơn 916,8 tỷ đồng (trong đó thu ủy thác tiền chi trả DVMTR hơn 914,8 tỷ đồng, còn lại là thu lãi tiền gửi tạm tính)

Trong kế hoạch thu ủy thác tiền DVMTR thì thu từ cơ sở sản xuất thủy điện và cơ sở sản xuất nước sạch theo kế hoạch 2015 của các đơn vị là hơn 853 tỷ đồng, chiếm hơn 93% số tiền theo kế hoạch thu, còn lại là thu nợ lũy kế của cơ sở sản xuất thủy điện và nước sạch từ năm 2011 đến Quý III/2014.

 **BĐH VNFF**

Biểu giá chi phí tránh được năm 2015

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Bộ Công Thương đã ban hành Biểu giá chi phí tránh được năm 2015 tại Quyết định số 12086/QĐ-BCT. Theo đó, Biểu giá chi phí tránh được năm 2015 áp dụng cho các nhà máy thủy điện nhỏ đầu nối với lưới điện quốc gia đáp ứng các điều kiện áp dụng qui định tại Thông tư số 32/2014/

TT-BCT ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương qui định về trình tự xây dựng, áp dụng biểu giá chi phí tránh được và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ. Biểu giá năm 2015 được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

BIỂU GIÁ CHI PHÍ TRÁNH ĐƯỢC NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12086/QĐ-BCT ngày 31/12/2014 của Bộ Công Thương)

Giá điện năng (đ/kWh)	Mùa khô			Mùa mưa			
	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Phần điện năng dư
Miền Bắc	638	634	631	607	613	620	310
Miền Trung	625	624	623	598	602	605	302
Miền Nam	663	662	661	632	636	639	320
Giá công suất (cho cả 3 miền) (đ/kWh)	2.158						

Ghi chú: Biểu giá chi phí tránh được chưa bao gồm thuế tài nguyên nước, tiền dịch vụ môi trường rừng và thuế giá trị gia tăng. Bên mua có trách nhiệm thanh toán cho Bên bán các loại thuế và tiền dịch vụ môi trường rừng nêu trên.

 **BĐH VNFF**

 Chi tiết văn bản xem tại vnff.mard.gov.vn



Ảnh: Ông Phạm Hồng Lượng – Phó giám đốc Quỹ trình bày báo cáo
Nguồn ảnh: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam

Phiên họp Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam lần thứ 1 năm 2015

Ngày 19/01/2015, tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam đã tổ chức phiên họp Hội đồng quản lý Quỹ lần I năm 2015. Thứ trưởng Hà Công Tuấn, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chủ trì cuộc họp.

Tại cuộc họp này Hội đồng quản lý Quỹ đánh giá công tác thực hiện nhiệm vụ năm 2014, thông qua kế hoạch 2015 cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

Năm 2014 là năm đánh dấu mốc rất quan trọng, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các tỉnh đã tiến hành sơ kết đánh giá chính sách sau hơn 3 năm triển khai thực hiện, nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm và kịp thời để xuất sửa đổi, bổ sung chính sách cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

Đến nay, trên phạm vi toàn quốc có 37 tỉnh thành lập Quỹ, tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thu năm 2014 đạt hơn 1.330,6 tỷ đồng, trong đó: Quỹ Trung ương thu hơn 996,3 tỷ đồng (đạt 111% so với kế hoạch); các Quỹ tỉnh thu hơn 334 tỷ đồng (đạt 133,7% so với kế hoạch), trong đó nhiều tỉnh thu vượt kế hoạch như Gia Lai, Sơn La, Đắk Lắk, Lâm Đồng... góp phần quản lý bảo vệ cho khoảng 5,78 triệu ha rừng cung ứng DVMTR.

Đồng thời, đến hết ngày 31/12/2014 các tỉnh đã giải ngân được 647,6 tỷ đồng, trong đó ủy thác giải ngân cho chủ rừng là 596,7 tỷ đồng cho 3,21 triệu ha rừng, đạt 50% kế hoạch.

Bên cạnh những kết quả trên, việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR ở một số địa phương còn có những hạn chế: tình trạng nợ đọng tiền DVMTR, công tác chỉ đạo, điều hành ở một số nơi chưa quyết liệt, kịp thời; việc tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chính sách còn hạn chế, tiến độ triển khai còn chậm; việc rà soát diện tích rừng đến từng chủ rừng chưa hoàn thành, tiến độ chi trả tiền DVMTR cho chủ rừng và người nhận khoán bảo vệ rừng kéo dài,...

Trong năm 2015, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam tiếp tục chỉ đạo đôn đốc, hướng dẫn các địa phương thực hiện nghiêm chỉnh chính sách chi trả DVMTR, trong đó trọng tâm là thu nộp và giải ngân. Mục tiêu phấn đấu là duy trì nguồn thu đạt khoảng 1.307 tỷ đồng, bảo đảm chi trả kịp thời cho trên 5 triệu ha rừng được quản lý bảo vệ bằng tiền DVMTR. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách trên thực tiễn.

 **BDP VNFF**

**Đến nay,
trên phạm
vi toàn quốc
có 37 tỉnh
thành lập
Quỹ**

Hội thảo Khởi động dự án

DPFES

Chiều ngày 30/01/2015, tại Hà Nội, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam đã tổ chức Hội thảo khởi động Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam (Dự án DPFES). Tham dự Hội thảo có khoảng 70 đại biểu từ các Cục, Vụ, Viện, Trường thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Lâm nghiệp; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng một số tỉnh; nhà tài trợ TFF; đại diện một số dự án và chuyên gia tư vấn... Ông Nguyễn Bá Ngải, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp chủ trì Hội thảo.

Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ quản, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam là đơn vị thực hiện. Tổng kinh phí 231 nghìn Euro,

trong đó hỗ trợ không hoàn lại từ Quỹ ủy thác Lâm nghiệp (TFF) là 210 nghìn Euro. Dự án được thực hiện trong 06 tháng, bắt đầu từ 01/2015 tại Hà Nội (Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam) và các tỉnh, thành phố đã thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

Dự án được thực hiện nhằm tạo lập cơ sở dữ liệu thông tin về chi trả dịch vụ môi trường rừng, tích hợp vào hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS), đồng thời nâng cao năng lực thu thập, phân tích, xử lý thông tin nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam.

 **Văn phòng Tổng cục**

Ảnh: Ông Nguyễn Bá Ngải - Phó tổng cục trưởng Tổng cục lâm nghiệp phát biểu khai mạc hội thảo
Nguồn ảnh: Tổng cục Lâm nghiệp





Ảnh: Hồ nuôi cá nước lạnh
Nguồn: Trần Thị Thu Hà – Chuyên gia dự án IPFES

Nghiên cứu xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng trong hoạt động nuôi cá nước lạnh tại tỉnh Lào Cai

Lào Cai là một trong số ít các tỉnh trên cả nước có lợi thế tự nhiên cho nghề nuôi cá nước lạnh. Tại Lào Cai, cá nước lạnh được nuôi theo hình thức thâm canh, trong các bể có diện tích mặt nước từ 150 - 1.500 m² với chiều sâu từ 1,1 - 1,4m, được xây dựng dọc theo các con suối trên địa bàn của tỉnh. Nguồn nước dùng để nuôi cá có chất lượng rất tốt, nhiệt độ luôn duy trì trong khoảng 15 – 20°C, hoàn toàn phù hợp với điều kiện sinh trưởng của cá hồi, cá tầm. Trong điều kiện bình thường, không gặp các rủi ro về thiên tai và dịch bệnh, năng suất nuôi cá hồi có thể đạt từ 14,4 – 18,2 kg/m² mặt nước/năm, trong khi đó, năng suất nuôi cá tầm dao động

trong khoảng 6,4 – 7,6 kg/m² mặt nước/năm. Trong khuôn khổ gói hỗ trợ kỹ thuật CDTA 8592 VIE: “Tăng cường thực thi Chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Việt Nam”, được tài trợ bởi Quỹ giảm nghèo Nhật Bản thông qua ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và được triển khai bởi Công ty tư vấn Nippon Koei (Nippon Koei Co., Ltd) dưới sự quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (VNFF), một số hoạt động nghiên cứu đã được thực hiện, nhằm cung cấp cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn trong việc xác định mức chi trả và hình thức chi trả dịch vụ môi trường rừng hợp lý trong hoạt động nuôi cá nước lạnh tại tỉnh Lào Cai. Các hoạt động này được tiến hành tại 16



cơ sở nuôi cá nước lạnh tại Sa Pa và Bát Xát (hai huyện có diện tích nuôi cá nước lạnh chiếm tới 90% tổng diện tích nuôi cá nước lạnh của toàn tỉnh), bao gồm: (i) nghiên cứu về đặc điểm (như kỹ thuật, năng suất, rủi ro, v.v.) của các mô hình nuôi cá nước lạnh; (ii) nghiên cứu về nhận thức và ý kiến của các cơ sở nuôi cá nước lạnh về chi trả dịch vụ môi trường; (iii) nghiên cứu các cơ sở xây dựng mức chi trả, hình thức chi trả và điều kiện thực hiện chi trả phù hợp trong nuôi cá nước lạnh và đề xuất cơ chế chi trả tối ưu; và (iv) nghiên cứu sự đồng thuận của các bên liên quan đến cơ chế chi trả được đề xuất.

Kết quả nghiên cứu cho thấy: 100% đại diện các cơ sở thừa nhận rằng, nếu không có rừng, sẽ không có nguồn nước và do đó sẽ không thể nuôi được cá nước lạnh. 75% đại diện các cơ sở sẵn sàng chi trả cho các chủ rừng, nhằm khuyến khích họ bảo vệ rừng tốt hơn, nhằm duy trì nguồn nước có chất lượng cao. Một số thông tin được đại diện các cơ sở quan tâm bao gồm: sự thay đổi về diện tích và chất lượng rừng, sự minh bạch và công bằng trong thu và sử dụng tiền chi trả, sự thay đổi về chất lượng nguồn nước trước và sau khi chi trả.

Ảnh: Hồ nuôi cá nước lạnh
Nguồn: Trần Thị Thu Hà – Chuyên gia dự án IPFES



Về mức chi trả và hình thức chi trả được đề xuất trong 2 phương án gồm: (1) mức chi trả được xác định dựa vào mức sẵn lòng chi trả, giá trị kinh tế của dịch vụ môi trường rừng, lưu và lượng nước sử dụng thực tế tại các cơ sở; và (2) mức chi trả được xác định dựa vào mức sẵn lòng chi trả và doanh thu của cơ sở. Trong 2 phương án nêu trên, phương án 2 được xem là phù hợp nhất trong điều kiện của Lào Cai hiện nay, vì cách tính mức



Ảnh: Hồ nuôi cá nước lạnh
Nguồn: Trần Thị Thu Hà – Chuyên gia dự án IPFES

chi trả đơn giản, dễ thực hiện, dễ kiểm soát, khuyến khích các cơ sở liên tục học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, áp dụng khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất và sản lượng nuôi. Phương án này nhận được sự đồng thuận cao của đại diện các cơ sở tham gia nghiên cứu; là một yếu tố rất thuận lợi khi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng được triển khai trong thực tiễn. Theo đó, mức chi trả được ước tính là 77,190 đồng/m² mặt nước/năm đối với hoạt động nuôi cá hồi và 26,250 đồng/m² mặt nước/năm đối với hoạt động nuôi cá tầm. Theo ước tính, số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng từ hoạt động nuôi cá nước lạnh tại tỉnh Lào Cai khoảng hơn 1,5 tỷ đồng/năm. Hy vọng, với kết quả nghiên cứu nêu trên, sẽ cung cấp thông tin đầu vào làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai quyết định triển khai thí điểm trước khi tổng kết để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai nhân rộng trên phạm vi cả nước.

 **Trần Thị Thu Hà – Chuyên gia dự án IPFES**

Thành lập Ban chỉ đạo Dự án



Sau khi Hội thảo khởi động dự án “Tăng cường thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam” do Quỹ Giảm nghèo Nhật Bản ủy thác qua Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) diễn ra ngày 05 tháng 12 năm 2014, tiếp tục hoạt động triển khai dự án tại 3 tỉnh ở Việt Nam (Lào Cai, Thừa Thiên Huế và Kon Tum), ngày 30 tháng 01 năm 2015, Bộ NN&PTNT đã ban hành Quyết định số 393/QĐ-BNN-TCCB thành lập Ban chỉ đạo dự án trong đó ông Nguyễn Bá Ngải – Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp làm Trưởng ban cùng 9 thành viên là đại diện các Bộ NN&PTNT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Sở NN&PTNT tỉnh Lào Cai, tỉnh Kon Tum, Phó Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế và đại diện Ngân hàng Phát triển Châu Á.

Ban chỉ đạo dự án sẽ nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, kế hoạch phối hợp hoạt động giữa các Bộ, ngành, địa phương trong triển khai, tổ chức thực hiện dự án đồng thời chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng và hiệu quả theo quy định tại Văn kiện dự án, Hiệp định ký kết với Nhà tài trợ và quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 01 năm 2015, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-VNFF-BĐH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý Dự án.



Phối hợp giải quyết nợ đọng tiền DVMTR

Thời gian qua, Tổng cục Lâm nghiệp đã phối hợp chặt chẽ với Cục Điều tiết điện lực và Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) chỉ đạo, đôn đốc các nhà máy thủy điện thực hiện Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, ngày 24/9/2010 của Chính phủ. Ngày 20/10/2014, Bộ Công Thương đã có văn bản số 10382/BCT-ĐTĐL gửi EVN về việc thực hiện thanh toán tiền DVMTR. Theo đó, Bộ Công Thương yêu cầu các Tổng công ty điện lực trực thuộc EVN thực hiện chi trả tiền DVMTR cho các nhà máy thủy điện có công suất thiết kế vừa và nhỏ để thực hiện ủy thác cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng từ Trung ương đến địa phương để chi trả cho chủ rừng.

Việc phối hợp chỉ đạo và ban hành các văn bản nêu trên là căn cứ quan trọng để đôn đốc thu đúng, thu đủ tiền DVMTR theo quy định hiện hành. Nhờ đó đã huy động được nguồn lực cho công tác quản lý bảo vệ rừng, từng bước nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân sống gần bó với rừng.

Tuy nhiên, đến nay thông qua các báo cáo và khảo sát tình hình tại các địa phương thì việc nợ đọng tiền DVMTR của các nhà máy thủy điện vẫn còn tồn tại (hơn 304 tỷ đồng), gây ảnh hưởng, hạn chế việc huy động sự tham gia của các chủ rừng vào công tác quản lý bảo vệ rừng tại các địa phương.

Trước thực trạng nêu trên, Tổng cục Lâm nghiệp ban hành Công văn số 451/TCLN-KHTC ngày 15 tháng 4 năm 2015 đề nghị Cục Điều tiết điện lực, Tập đoàn điện lực Việt Nam cùng phối hợp chỉ đạo Công ty mua bán điện, các Tổng công ty điện lực chi trả tiền DVMTR cho các nhà máy thủy điện để thực hiện ủy thác cho các chủ rừng theo đúng quy định của Chính phủ.

Tổng hợp tình hình nợ đọng tiền DVMTR cập nhật đến ngày 05/4/2015

TT	Phân loại nhà máy thủy điện	Tổng cộng	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Trên 30 MW	127.293.589	14.206.147	9.331.480	27.786.923	75.969.039
2	Dưới 30 MW	164.116.089	37.940.727	53.065.690	21.263.487	51.846.185
3	Dưới 3 MW	12.704.087	3.031.483	4.026.103	3.248.399	2.398.103
	Tổng cộng	304.113.765	55.178.357	66.423.273	52.298.809	130.213.327

Chi tiết Công văn số 451/TCLN-KHTC và Chi tiết danh sách các nhà máy thủy điện còn nợ đọng tiền DVMTR tính đến ngày 05/4/2015 xem tại vnff.mard.gov.vn



Hướng dẫn lập phương án sử dụng tiền DVMTR năm 2011, 2012 chưa có đối tượng chi

Thực hiện Thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tại Hội nghị trực tuyến sơ kết 3 năm thực hiện Chính sách chi trả DVMTR, một số địa phương đã chủ động tiến hành rà soát, lập phương án đề xuất và đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng tiền DVMTR năm 2011, 2012 chưa có đối tượng chi phục vụ cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách tại địa phương (ví dụ như tỉnh Kon Tum).

Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn nhiều địa phương chưa hoàn toàn chủ động, lúng túng, không rõ cách làm, cách triển khai thực hiện. Do đó, Bộ NN&PTNT đã có Văn bản số 3023/BN-TCN ngày 14 tháng 4 năm 2015 gửi các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc hướng dẫn lập phương án sử dụng tiền DVMTR năm 2011, 2012 chưa có đối tượng chi.

Theo đó, Bộ NN&PTNT yêu cầu UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn tồn đọng tiền DVMTR năm 2011, 2012 chưa có đối tượng chi chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh khẩn trương phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, đánh giá nhu cầu để tham

muur, trình UBND có văn bản đề xuất kèm theo phương án sử dụng và dự toán chi tiết gửi về Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp trước ngày 25/4/2015 để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Nội dung văn bản số 3023/BN-TCN cũng nêu rõ: Phương án sử dụng nên tập trung vào một số nội dung (1) Hỗ trợ cho các diện tích rừng trong các lưu vực có mức chi trả dưới 200.000 đồng/ha/năm; (2) Hỗ trợ thực hiện các đề án rà soát, xác định ranh giới, diện tích rừng phục vụ chi trả DVMTR; (3) Hỗ trợ công tác tuần tra, kiểm tra rừng, ngăn chặn chặt phá rừng, kinh doanh, vận chuyển lâm sản bất hợp pháp, phòng cháy chữa cháy rừng; (4) Hỗ trợ công tác trồng rừng thay thế...

Có thể nói, thực hiện hướng dẫn này, nhiều địa phương sẽ giải quyết được bài toán khó về việc tồn đọng tiền DVMTR năm 2011, 2012 quá lớn mà không giải ngân được từ trước đến nay vì ko biết sử dụng vào việc gì hay sử dụng như thế nào cho đúng.

 Chi tiết văn bản xem tại vnff.mard.gov.vn

 **BỘH VNFF**

Hội thảo đánh giá hiện trạng và đề xuất cấu trúc hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về chi trả dịch vụ môi trường rừng

Ngày 10/4/2015 tại Hà Nội, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam đã tổ chức Hội thảo đánh giá hiện trạng và đề xuất cấu trúc hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) thông tin về chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR). Tham dự Hội thảo có lãnh đạo Tổng cục Lâm nghiệp, đại diện của một số cơ quan ban ngành Trung ương và 17 Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trên phạm vi toàn quốc.

CSDL thông tin về chi trả DVMTR là tập hợp dữ liệu có cấu trúc về chi trả DVMTR, liên hệ với nhau, được lưu trữ trong máy tính, được chia sẻ và sử dụng đáp ứng đồng thời yêu cầu của nhà quản lý, các bên sử dụng và cung cấp DVMTR trong quá trình tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá chi trả DVMTR.

Xây dựng CSDL thông tin về chi trả DVMTR được xem là nhiệm vụ quan trọng nhằm tăng cường năng lực thực hiện chính sách chi trả DVMTR, hướng đến dân chủ, công khai, công bằng và minh bạch.

Để xây dựng cấu trúc cơ sở CSDL thông tin về chi trả DVMTR cần kết hợp rà soát các chính sách với khảo sát thực tế ở các địa phương về hiện trạng CSDL thông tin về chi trả DVMTR, xác định những dữ liệu cần thiết cho tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá chi trả DVMTR theo yêu cầu của các bên liên quan.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã thảo luận góp ý về hiện trạng CSDL, những khó khăn, thách thức trong thống kê, cập nhật dữ liệu. Trên cơ sở đó, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam sẽ tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu DVMTR phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo điều hành chính sách./

 **BỘH VNFF**



Ảnh: TS. Nguyễn Chí Thành trình bày báo cáo tham luận tại Hội thảo - Nguồn: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam

Hội thảo tham vấn Đề án thành lập mạng lưới thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam

Ngày 24 tháng 4 năm 2015, tại Hà Nội, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam đã chủ trì Hội thảo tham vấn Đề án thành lập mạng lưới thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Đây là một hoạt động thuộc dự án Tăng cường năng lực thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam (IPFES) do Quỹ Giảm nghèo Nhật Bản tài trợ thông qua Ngân hàng phát triển châu Á (ADB). Hội thảo có sự tham dự đầy đủ của đại diện các Cục, Vụ thuộc Bộ NN&PTNT, Tổng cục Lâm nghiệp, VNFF, TFF, một số Quỹ BVPTTR các tỉnh, đại diện ADB, các tổ chức quốc tế, chuyên gia tư vấn và các cán bộ dự án IPFES.

sách chi trả dịch vụ môi trường rừng của nhóm tư vấn dự án IPFES; các báo cáo tham luận về một số mô hình mạng lưới đã được thực hiện bởi các chuyên gia tư vấn độc lập, các đối tác như Văn phòng FSSP, Văn phòng REDD+ quốc gia, tổ chức Winrock.....Việc chia sẻ kinh nghiệm từ các mô hình mạng lưới của các đối tác cũng như những góp ý của các đại biểu tham dự góp phần quan trọng cho việc thành lập mạng lưới thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam.

 **BĐH VNFF**

Hội thảo diễn ra trong 01 ngày với bài trình bày dự thảo đề án thành lập mạng lưới thực thi chính

Chế tài xử phạt vi phạm quy định về chi trả DVMTR

Ngày 27 tháng 4 năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Theo đó, Nghị định sửa đổi này quy định rất rõ ràng những chế tài xử phạt đối với những vi phạm quy định thực hiện chính sách chi trả DVMTR : (1) Người sử dụng DVMTR không ký hợp đồng chi trả tiền sử dụng DVMTR sau 03 tháng kể từ khi sử dụng dịch vụ ; (2) Người sử dụng DVMTR không kê khai tiền phải chi trả DVMTR trong trường hợp chi trả gián tiếp ; (3) Người sử dụng DVMTR không chi trả hoặc chi trả

không đầy đủ tiền sử dụng DVMTR ; (4) Chủ rừng là tổ chức được Nhà nước giao rừng không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ, đúng hạn tiền thu từ DVMTR cho người nhận khoán bảo vệ rừng theo hợp đồng ký kết.

Việc Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ra đời đã giúp Trung ương cũng như nhiều địa phương trong cả nước tháo gỡ những khó khăn còn tồn tại bấy lâu nay mà chưa có hướng xử lý, góp phần thúc đẩy, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách trong những năm tới.

 **BĐH VNFF**



Khóa Tập huấn

“Thu thập, phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin về chi trả dịch vụ môi trường rừng”

Trong khuôn khổ dự án Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) ở Việt Nam” (Dự án DPFES), Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam đã chủ trì phối hợp với Viện Sinh thái rừng và Môi trường (Viện STR&MT) tổ chức các Khóa Tập huấn về “Thu thập, phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin về chi trả dịch vụ môi trường rừng” từ ngày 20-21/4/2015 tại Quy Nhơn, Bình Định và từ 23-24/4/2015 tại Hạ Long, Quảng Ninh.

Tham dự và giảng dạy cho khóa tập huấn bao gồm GS.TS. Vương Văn Quỳnh; ThS. Mai Hà An và TS. Lê Sỹ Doanh, Viện STR&MT thuộc Trường Đại học Lâm nghiệp. Học viên tham dự là các cán bộ kỹ thuật Quỹ BV&PTR các cấp, cán bộ của Ban QLDA DPFES, VNFF, TFF, Tổng cục lâm nghiệp, trường ĐH Lâm nghiệp và cán bộ thuộc Viện STR&MT.

Mục đích của các khóa tập huấn nhằm: (i) Tăng cường năng lực cho cán bộ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (Quỹ BV&PTR) các cấp trong việc thực hành thu thập, phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin về chi trả DVMTR; (ii) Hoàn thiện Bộ cơ sở dữ liệu (CSDL) thông tin về chi trả DVMTR.

Cán bộ kỹ thuật của các Quỹ BV&PTR sau khi tham dự tập huấn được kỳ vọng có khả năng sử dụng hệ thống CSDL thông tin về chi trả DVMTR để thu thập, phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin về chi trả DVMTR; các học viên tham dự có thể ứng dụng tiện ích công nghệ trong việc thu thập, cập nhật và sử dụng CSDL thông tin về chi trả DVMTR.

 **BDH VNFF**

Ảnh: Các học viên tham gia khóa tập huấn
Nguồn: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam



Các văn bản liên quan đến thực thi chính sách chi trả DVMTR



- 1 Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.
- 2 Quyết định số 12086/QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương ban hành Biểu giá chi phí tránh được năm 2015.
- 3 Quyết định số 25/QĐ-BNN-TCCB ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Bộ NN&PTNT về việc thay đổi Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.
- 4 Quyết định số 249/QĐ-BNN-PC ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Bộ NN&PTNT về Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ NN&PTNT năm 2015.
- 5 Quyết định số 284/QĐ-BNN-TC ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Bộ NN&PTNT phê duyệt kế hoạch hoạt động tổng thể toàn dự án, dự toán chi tiết năm 2015, kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án 'Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam' do Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam(VNFF) làm chủ dự án.
- 6 Công văn số 715/BNN-TC ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Bộ NN&PTNT về việc bố trí vốn đối ứng thực hiện dự án DPFES cho VNFF làm chủ dự án.
- 7 Quyết định số 393/QĐ-BNN-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ NN&PTNT thành lập Ban chỉ đạo dự án «Tăng cường thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam » do Quỹ Giảm nghèo của Nhật Bản ủy thác qua Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ.
- 8 Quyết định số 635/QĐ-BNN-TCLN ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ NN&PTNT thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.
- 9 Quyết định số 775/QĐ-BNN-TCLN ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Bộ NN&PTNT phê duyệt kế hoạch thu, chi năm 2015 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.
- 10 Văn bản số 3023/BNN-TCLN ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Bộ NN&PTNT về việc hướng dẫn lập phương án sử dụng tiền DVMTR năm 2011, 2012 chưa có đối tượng chi.
- 11 Thông báo số 350/TB-TCLN-VP ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Tổng cục Lâm nghiệp thông báo Kết luận của Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp Nguyễn Bá Ngải tại Hội nghị triển khai kế hoạch 2015 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng gắn với thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.
- 12 Văn bản số 451/TCLN-KHTC ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc phối hợp giải quyết nợ đọng tiền chi trả DVMTR.
- 13 Quyết định số 02/QĐ-VNFF-BĐH ngày 08 tháng 01 năm 2015 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án "Tăng cường thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam".
- 14 Nghị quyết số 01/NQ-VNFF-HĐQL ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam về Nghị quyết Phiên họp Hội đồng quản lý Quỹ lần 1 năm 2015.



Ảnh: Suu tầm

Sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Kon Tum

Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho phép UBND tỉnh Kon Tum sử dụng 123.330,56 triệu đồng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2011, 2012 chưa có đối tượng chi trả để thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương.

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, việc sử dụng số tiền trên cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ chi trả bổ sung cho các lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng có đơn giá chi trả cho chủ rừng thấp (dưới 200.000 đồng/ha/năm) để đạt mức tối thiểu 200.000 đồng/ha/năm, mức hỗ trợ bổ sung cụ thể do UBND tỉnh Kon Tum quyết định; thời gian hỗ trợ từ năm 2015 đến khi có quy định mới của Chính phủ có hiệu lực thi hành.
2. Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng dân cư thôn, làng giáp ranh hoặc nằm trong các khu rừng đặc dụng để thực hiện đồng quản lý theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020; thời gian hỗ trợ đến năm 2016.
3. Hỗ trợ UBND các xã, thị trấn để thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra rừng, bồi dưỡng cho những người được huy động để ngăn chặn chặt phá rừng và chữa cháy rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 8/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ; mức hỗ trợ cụ thể do UBND tỉnh Kon Tum quyết định theo thẩm quyền và quy định hiện hành; thời gian thực hiện đến năm 2016.
4. Hỗ trợ kinh phí để đầu tư xây dựng hàng rào và các

công trình bảo vệ, phòng cháy chữa cháy khoảng 500 ha rừng gỗ trắc tại khu rừng đặc dụng Đắk Uy; thời gian thực hiện 02 năm 2015-2016; UBND tỉnh Đắk Nông xây dựng phương án làm hàng rào và các công trình bảo vệ khoảng 500 ha rừng gỗ trắc nêu trên thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phê duyệt theo quy định.

5. Bổ sung vốn trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, theo quy định của Luật Bảo vệ và phát triển rừng đối với các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng trước năm 2015 có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nhưng ngân sách nhà nước không có điều kiện bố trí vốn để đầu tư; thời gian thực hiện từ năm 2015-2018 (trồng năm 2015 và chăm sóc 03 năm tiếp theo).
6. Số kinh phí còn lại (nếu có) sau khi tính toán hỗ trợ đầu tư các nội dung từ mục (1) đến mục (5) nêu trên được chuyển sang dự phòng để chi trả cho các chủ rừng trong trường hợp nguồn thu dịch vụ môi trường rừng bị giảm sút trong các năm sau.

Trong quá trình thực hiện công tác đầu tư các nội dung từ mục (1) đến mục (5), trường hợp phát sinh lãi tiền gửi ngân hàng (nếu có), thì số tiền lãi được sử dụng để hỗ trợ như đã nêu tại mục (1).

 Chi tiết xem tại <http://baodientu.chinhphu.vn/Hoat-dong-dia-phuong/Su-dung-tien-chi-tra-dich-vu-moi-truong-rung-tai-Kon-Tum/224298.vgp> ngày 06/4/2015

Trồng rừng thay thế tại tỉnh Thanh Hóa

Ngày 12 tháng 01 năm 2015, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 67/QĐ-UBND phê duyệt cơ chế quản lý, sử dụng tiền ủy thác trồng rừng thay thế khi chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Theo đó, tiền ủy thác trồng rừng thay thế được ưu tiên sử dụng cho việc hỗ trợ triển khai trồng lại rừng tại các huyện có diện tích rừng bị mất do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Nếu các huyện đó không còn quỹ đất để trồng rừng thì số tiền được chuyển sang hỗ trợ cho các huyện khác để trồng rừng thay thế hoặc hỗ trợ đầu tư cho các chương trình, dự án trồng rừng được UBND tỉnh phê duyệt.

Đơn giá trồng rừng thay thế được áp dụng mức đầu tư trồng rừng thay thế đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ

và mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.

Đối với chi phí quản lý (10% chi phí lâm sinh) được trích 8% chi cho chủ dự án cơ sở, 2% để lại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để phục vụ công tác quản lý.

Quy trình xét duyệt, kiểm tra, nghiệm thu, thanh toán và quản lý tài chính đối với tiền trồng rừng thay thế được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ ban hành kèm theo Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 14/6/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về tổ chức và hoạt động Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

Cơ chế giải ngân tiền trồng rừng thay thế được thông qua hệ thống Kho bạc Nhà nước tại tài khoản tiền gửi của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

 **BDH VNFF**

Ảnh: Sưu tầm

Kế hoạch thu, chi tiền DVMTR tỉnh Lâm Đồng năm 2015

Theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền DVMTR năm 2015, tổng kinh phí được sử dụng năm 2015 là hơn 262,8 tỷ đồng, trong đó dự kiến thu năm 2015 là hơn 151,6 tỷ đồng từ cơ sở sản xuất thủy điện (hơn 140,6 tỷ đồng), cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch (hơn 6,9 tỷ đồng), đơn vị kinh doanh du lịch có sử dụng DVMTR (800 triệu đồng) và thu lãi tiền gửi; còn lại là nguồn kinh phí kết dư từ năm 2014 chuyển sang.

Về kế hoạch chi trả, sử dụng nguồn kinh phí trên, tỉnh Lâm Đồng xác định tổng dự toán chi là hơn 198,9 tỷ đồng, trong đó chi trả cho các chủ rừng là hơn 172,2 tỷ đồng (việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012), chi cho hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng hơn 22,4 tỷ đồng (theo Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012), còn lại là chi cho việc trồng rừng và trồng cây phân tán.

Trên cơ sở kế hoạch chi, đơn giá chi trả cho các chủ rừng là tổ chức Nhà nước, là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn...trên lưu vực sông Đồng Nai là 495.000 đồng/ha/năm và trên lưu vực sông Sêrêpôk là 385.000 đồng/ha/năm.

Lâm Đồng là một trong những địa phương đi đầu trong việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR, luôn đảm bảo được mức chi trả cho các chủ rừng qua các năm.

 **BDH VNFF**



Đề án thực hiện chính sách chi trả DVMTR tỉnh Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020

Năm 2015, Quảng Ninh sẽ đẩy nhanh tiến độ thực hiện chính sách chi trả DVMTR trên cơ sở Đề án thực hiện chính sách giai đoạn đến năm 2020 đã được UBND tỉnh thông qua tại Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014. Đề án nhằm mục tiêu nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân đối với sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng; huy động các nguồn lực xã hội cho công cuộc bảo vệ, phát triển rừng; tạo điều kiện cho ngành lâm nghiệp hoạt động; đảm bảo cho người lao động trực tiếp bảo vệ rừng được chi trả giá trị của rừng do mình tạo ra và nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, sử dụng, bảo vệ cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp.

Đề án xác định rõ trên địa bàn tỉnh có 11 đơn vị sử dụng DVMTR (thủy điện, nước sạch và du lịch) và khoảng 90 đơn vị sử dụng DVMTR tiềm năng (là các cơ sở sản xuất công nghiệp, nước sạch và du lịch). Theo đề án, tổng diện tích cung ứng DVMTR trong toàn tỉnh được xác định trên 13 lưu vực với diện tích cung ứng quy đổi là 156.365 ha. Với tổng giá trị thu từ 11 đơn vị sử dụng DVMTR hiện tại đạt khoảng hơn 5,294 tỷ đồng, đề án cũng xác định được khoảng hơn 2000 chủ rừng chia làm 2 nhóm các đối tượng cung ứng DVMTR là các hộ gia đình, hợp tác xã, cộng đồng thôn, UBND cấp xã, Ban quản lý rừng, Công ty lâm nghiệp... để chi trả. Giá trị chi trả sẽ được tính toán và thay đổi hàng năm tùy thuộc vào sản lượng điện, sản lượng nước thương phẩm và doanh thu du lịch của năm đó theo giá trị thực tế mà các đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường rừng đạt được.

Đề án cũng đề xuất mức chi trả đối với các cơ sở sử dụng nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp là 30 đồng/m³ nước thô (nếu đến thời gian dự định chi trả là năm 2016 đối với loại hình này mà chưa có văn bản hướng dẫn thì sẽ xin ý kiến Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện).

Các đối tượng cung ứng DVMTR bước đầu sử dụng nguồn số liệu của Đề án cho đến khi số liệu của dự án Tổng điều tra, kiểm kê rừng giai đoạn 2013-2016 được phê duyệt.

Cũng trong Đề án, kế hoạch chi trả từ năm 2015 đến năm 2020 được nêu ra. Theo đó, năm 2015 sẽ chi trả cho các chủ quản lý và chi trả theo đơn vị hành chính cấp huyện. Và đến năm 2020, hàng năm sẽ tiến hành rà soát các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch phải trả tiền DVMTR và các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch hưởng lợi từ DVMTR; thí điểm chi trả DVMTR cho các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước phải chi trả tiền DVMTR (với mức đề xuất 30 đồng/m³); và thí điểm xây dựng chi trả các đối tượng phải trả tiền DVMTR cho dịch vụ hấp thụ và lưu trữ cacbon của rừng, dịch vụ cung ứng bãi đẻ, nguồn thức ăn, con giống tự nhiên và nuôi trồng thủy sản.

Đề án thực hiện chính sách chi trả DVMTR tỉnh Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020 do Trung tâm Tài nguyên và Môi trường thuộc Viện Điều tra Quy hoạch rừng – Tổng cục Lâm nghiệp lập và được Sở NN&PTNT tỉnh thẩm định.

Trên cơ sở Đề án trên, hi vọng tỉnh Quảng Ninh sẽ đạt được hiệu quả cao trong thực thi chính sách.







Ảnh: Sưu tầm

Kiểm tra và giám sát chi trả tiền DVMTR cho các hộ nhận giao khoán quản lý bảo vệ rừng của **Khu Bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng**

Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Tà Đùng đóng trên địa bàn xã Đăk Som, huyện Đăk G'long, tỉnh Đắk Nông với tổng diện tích rừng 21.307,73 ha. Thực hiện giao khoán quản lý, bảo vệ rừng với diện tích 7.961,4 ha cho 167 hộ chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số của xã Đăk Som (Đăk Glong), xã Đạ K'Nàng và xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Từ ngày 21/01 đến ngày 23/01/2015 cán bộ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đã tiến hành kiểm tra, giám sát công tác thanh quyết toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của các năm 2012, 2013 và quý IV năm 2014 cho 22 hộ nhận khoán

tại xã Đạ K'Nàng và 33 hộ nhận khoán tại xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng của Khu BTTN Tà Đùng.

Tổng số tiền DVMTR của Khu BTTN Tà Đùng chi trả cho các hộ nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng là hơn 736 triệu đồng, trong đó chi trả cho các hộ nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng năm 2012 hơn 412 triệu đồng, năm 2013 hơn 111 triệu đồng và quý IV năm 2014 hơn 213 triệu đồng.

Theo tìm hiểu của chúng tôi, xã Đạ K'Nàng trước đây là một điểm nóng về phá rừng của huyện Đam Rông. Người dân chặt phá rừng để lấy đất



Ảnh: Ông Khương Thanh Long – Phó Giám đốc Khu BTTN Tà Đùng tặng giấy khen cho các hộ dân thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng.
Nguồn ảnh: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Đắk Nông.

canh tác và buôn bán gỗ trái phép. Nhưng từ khi triển khai thực hiện chính sách chi trả DVMTR công tác tuyên truyền của Khu BTTN Tà Đùng được đẩy mạnh, ý thức của người dân được nâng cao. Các hộ dân sống gần rừng đã trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ rừng, bên cạnh đó tiền DVMTR đã góp phần tăng thu nhập, ổn định cuộc sống

của người giữ rừng nhờ đó mà rừng không bị lấn chiếm, tàn phá.

Năm 2014, xã Đạ K'Nàng phát hiện 02 vụ phá rừng trong đó có 1 vụ đã khởi tố và 1 vụ đang tạm giam. Việc giao khoán rừng không những góp phần ngăn chặn, hạn chế tình trạng lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy, phá rừng lấy gỗ, săn bắn thú rừng trái phép mà còn góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho đồng bào dân tộc sống gần rừng.

Cũng trong buổi chi trả ông Khương Thanh Long - Phó Giám Đốc khu BTTN Tà Đùng cũng đã tặng giấy khen cho các hộ nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trong năm 2014. Việc này không chỉ khuyến khích các hộ dân tích cực giữ vững lòng tin với công việc mà mình đã và đang làm mà còn khuyến khích các hộ dân còn lại cố gắng phấn đấu thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng được giao.

Thu Hằng - Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Đắk Nông

Phát triển thủy điện ở Hà Giang: Điên cứ bán... tiền DVMTR nợ 38 tỷ

Từ 17h đến 20h hàng ngày là các sông Lô, sông Chảy, sông Miện ở Hà Giang lại đầy ắp nước, nước chảy siết phá tan không gian tĩnh lặng của một tỉnh miền núi nơi địa đầu Tổ quốc. Bán điện thì nhanh nhưng các ông chủ đầu tư nhà máy thủy điện lại chảy ì trả tiền dịch vụ môi trường rừng khiến người dân đã mất đất sản xuất nay lại càng nghèo hơn.

Ở Hà Giang nhiều ngày, phóng viên đã có dịp đi đến tận nơi nhiều thủy điện, đến những bản làng xa xôi ở nhiều xã, huyện nơi các ông chủ thủy điện vẫn còn nợ người dân tiền DVMTR.

Theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của Chính phủ về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, thì quy định doanh nghiệp bán mỗi 1KWH điện phải trả 20 đồng tiền DVMTR. Số tiền này là những người dân mất đất rừng, đất sản xuất thuộc lưu vực các nhà máy thủy điện sẽ được hưởng. Có hơn 84.500 hộ gia đình tham gia bảo vệ, nhận khoán khoanh nuôi khoảng 180 nghìn ha rừng.

“Cứ đến giờ là nó xả nước phát điện bán cho Nhà nước thôi, xả nước là nó có tiền, nhà mình vẫn phải sử dụng máy phát điện ở suối này đây”, anh Sàng Seo Sừ ở thôn Lóong Phù, xã Thuận Hòa (Vị Xuyên, Hà Giang) cho biết.

Tỉnh Hà Giang hiện có 46 dự án thủy điện với tổng công suất lắp máy 774,8MW trong đó, 13 dự án thủy điện đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, 8 dự án đang triển khai.

Nhưng theo con số thống kê từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Hà Giang thì hiện nay số tiền các nhà máy thủy điện nợ tiền DVMTR để chi trả cho người dân đã lên đến 38 tỷ đồng (Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của Chính phủ về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng).

Phóng viên đi theo quốc lộ 9A ngược dòng sông Miện nơi con sông “công” đến 4 nhà máy thủy điện trên địa bàn các huyện Vị Xuyên, Quản Bạ. Ông Lê Văn Chiến – Phó Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện sông Miện 5 hào hứng kể với phóng viên: Tổng sản lượng điện đã sản xuất,



phát lên điện lưới quốc gia từ tháng 10/2012 đến ngày 31/8/2014 đạt 154,228 triệu KWH, đạt 184,059 tỷ đồng, nộp ngân sách 25,5 tỷ đồng. Chúng tôi đã nộp hết các loại phí rồi, nên các đồng chí cứ yên tâm”.

Nhưng trở trêu thay theo tìm hiểu của phóng viên Báo Xây dựng, năm 2013 – 2014 công ty này nợ 3,5 tỷ đồng tiền DVMTR, đến nay mới trả được 2,2 tỷ còn nợ 1,3 tỷ. Đến mức, UBND tỉnh Hà Giang đã ra văn bản cho doanh nghiệp này khẩn đến hết 30/9/2014 nếu không trả tỉnh này sẽ làm văn bản báo cáo Bộ Công Thương đề nghị thu hồi giấy phép hoạt động.

Cũng khai thác trên dòng sông Miện, Công ty cổ phần thủy điện Thái An (Xã Thái An, huyện Quản Bạ) đi vào hoạt động từ năm 2012 nhưng đến nay công ty này vẫn nợ 12 tỷ tiền DVMTR.

Thủy điện bé nợ bé, thủy điện to nợ nhiều, năm này cộng dồn sang năm khác từ vài trăm triệu lên đến gần 16 tỷ đồng. Đây là một thực tế đang diễn ra ở Hà Giang cho sự phát triển thủy điện mà tỉnh này cho rằng là kinh tế mũi nhọn.

Từ những cái tên chả mấy ai lạ như Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu (thuộc Công ty cổ phần Sông Đà 9) nợ 4,47 tỷ đồng; Công ty cổ phần Bitexco Nho Quế nợ 16,947 tỷ đồng; Công ty cổ phần thủy điện Sông Bạc nợ 3,337 tỷ đồng; Công ty TNHH Sơn Lâm (Thủy điện sông Chũng) nợ 1,2 tỷ đồng; Thủy điện sông Chảy 5 nợ 1 tỷ đồng... Trả lời cho câu hỏi, tại sao những ông chủ lớn này

luôn luôn chây ì nộp tiền đến như vậy, ông Đinh Xuân Lượng – Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Hà Giang cho biết: “Những thủy điện nhỏ, họ cho rằng giá mua điện quá thấp nên họ không muốn đóng. Khi họ làm dự án thì bắt các ngành vào cuộc, giải phóng mặt bằng nhanh, nhưng khi xả nước bán điện có tiền rồi họ lại không muốn nộp tiền trả cho dân, đây là thực tế ở Hà Giang”.

Tại thôn Nà Sài, xã Đông Hà, huyện Quản Bạ thì hàng ngàn ha rừng do người dân thôn Nà Sài đang khoanh nuôi, bảo vệ đã được cấp trên xếp vào diện rừng được bảo vệ tốt nhất huyện Quản Bạ. Thế nhưng đến nay, người dân thôn Nà Sài vẫn chưa nhận được tiền DVMTR từ Nhà máy thủy điện Thái An.

TS. Phạm Thu Thủy – Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp quốc tế (Tổ chức CIFOR) cho rằng: Mới đây ngày 16/3/2015, theo Quyết định của Bộ Công Thương, giá bán lẻ điện sẽ dao động trong khoảng 1.484 - 2.587 đồng mỗi kWh. Nhưng hiện nay, tiền DVMTR mà các nhà máy phải trả vẫn đứng yên ở mức 20 đồng/1kwh, như vậy là quá thấp không theo kịp so với giá bán lẻ điện sinh hoạt. Trong khi các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ lại tìm mọi cách để thoái thác nghĩa vụ chi trả, xin miễn giảm hoặc trì hoãn thanh toán. Điều này khiến người dân bị ảnh hưởng bởi thủy điện rất thiệt thòi.

📰 Báo Xây Dựng ngày 23/3

Ảnh: Sư tử tắm





Ảnh: Suu tám

Khánh Hòa: Chi trả dịch vụ môi trường rừng - Kết quả bước đầu

Tuy mới đi vào hoạt động từ tháng 8-2014, nhưng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Khánh Hòa là một trong những địa phương có thế mạnh về rừng với tổng diện tích tự nhiên 521.765,5ha. Trong đó, diện tích quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp 284.459,4ha; diện tích đất có rừng 212.903,7ha. Để tạo bước ngoặt trong chính sách đối với nghề rừng, tỉnh đã xây dựng, thông qua Đề án chi trả DVMTR; thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng để làm đầu mối thực hiện việc thu và chi trả tiền DVMTR. Đây là động lực thúc đẩy thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Tuy chỉ mới chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8-2014, nhưng đến nay, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh đã có nhiều nỗ lực để thực hiện chính sách chi trả DVMTR.

Ông Đinh Ngọc Quang - Phó Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh cho biết: “Đến nay, Quỹ

đã ký hợp đồng ủy thác chi trả tiền DVMTR với 1 cơ sở sản xuất thủy điện, 7 cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch, 5 cơ sở dịch vụ du lịch. Tính đến giữa tháng 1-2015, Quỹ đã thu được gần 1 tỷ đồng từ sử dụng DVMTR. Trong đó, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều tiết về 51 triệu đồng; thu từ các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch gần 492 triệu đồng, thu của các cơ sở dịch vụ du lịch hơn 455 triệu đồng”.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR vẫn còn một số khó khăn. Đáng chú ý là còn nhiều đơn vị chưa tiến hành ký hợp đồng ủy thác chi trả DVMTR với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh hoặc chưa nộp tiền DVMTR theo quy định. Hiện vẫn còn 3 cơ sở sản xuất, cung ứng nước sạch và 3 doanh nghiệp du lịch vẫn chưa tiến hành ký hợp đồng ủy thác chi trả DVMTR.

Trong đó, số tiền mà các đơn vị chưa nộp theo kế hoạch gần 5,3 tỷ đồng. Điều này đã ảnh hưởng đến việc chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng. “Bên cạnh những đơn vị thực hiện tốt chính sách chi trả DVMTR vẫn còn một số cơ sở tìm cách trì hoãn, né tránh trách nhiệm của mình, nhưng hiện

nay vẫn chưa có chế tài xử phạt” - ông Quang nói. Việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR được xem là biện pháp để huy động tối đa nguồn lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng; từng bước thực hiện xã hội hóa nghề rừng. Bên cạnh đó, giúp các địa phương miền núi xóa đói, giảm nghèo; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng, điều tiết, duy trì nguồn nước cho sản xuất và đời sống.

Ngoài ra, nguồn thu này còn giúp các đơn vị quản lý, bảo vệ rừng có thêm kinh phí để tăng cường tuần tra, đầu tư các công trình lâm sinh, làm tốt công tác khoanh nuôi tái sinh rừng. Đây cũng là phương thức hỗ trợ giúp giảm bớt gánh nặng chi đối với nguồn ngân sách Nhà nước.

Nhiều ý kiến cho rằng, việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR cần phải được thực hiện nghiêm túc để đảm bảo lợi ích giữa các đơn vị sử dụng DVMTR với các đơn vị, cá nhân cung ứng DVMTR. Ngoài ra, cũng cần phải công bằng giữa các đơn vị sử dụng DVMTR, tránh trường hợp có đơn vị không nộp tiền.

Theo kế hoạch năm 2015, ngoài việc thu số tiền chưa thu được trong năm 2014 (gần 5,3 tỷ đồng), dự kiến tổng số thu từ các đơn vị sẽ có thêm khoảng 7 tỷ đồng. Trong đó, thu từ các cơ sở sản xuất thủy điện hơn 3,3 tỷ đồng, cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch hơn 1,6 tỷ đồng, cơ sở dịch vụ du lịch hơn 2 tỷ đồng. Để thực hiện được kế hoạch này, lãnh đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị chưa ký hợp đồng ủy thác chi trả DVMTR thực hiện nghĩa vụ theo đúng quy định.

Mới đây, tại cuộc họp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, ông Lê Đức Vinh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chỉ đạo: Thời gian tới, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh cần tiếp tục đôn đốc các đơn vị chưa ký kết hợp đồng ủy thác, chưa nộp tiền DVMTR thực hiện nghĩa vụ của mình.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát lại những đối tượng phải nộp tiền DVMTR trên địa bàn tỉnh để tiến hành ký kết hợp đồng và thu tiền nhằm tạo sự công bằng giữa các đơn vị. Khi tiến hành thu tiền DVMTR, nếu doanh nghiệp có thắc mắc thì phải phối hợp với các ngành có liên quan làm rõ các nội dung thu.



Ảnh: Lãnh đạo hai bên tiến hành ký kết hợp đồng ủy thác chi trả tiền DVMTR
Nguồn: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lai Châu

Thêm một hợp đồng ủy thác chi trả tiền DVMTR được ký kết tại Lai Châu

Sau nhiều ngày đàm phán, ngày 05/02/2015, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lai Châu và Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) xây dựng Hưng Hải đã tiến hành ký kết hợp đồng ủy thác chi trả tiền DVMTR của Nhà máy thủy điện Nậm Na 2.

Nhà máy thủy điện Nậm Na 2 được thiết kế gồm 03 tổ máy, công suất 66 MW với sản lượng điện hàng năm khoảng 250 triệu kWh, ước tính mỗi năm Công ty TNHH xây dựng Hưng Hải sẽ chi trả khoảng 05 tỷ đồng tiền DVMTR của Nhà máy thủy điện Nậm Na 2 cho các chủ rừng nằm trong lưu vực của thủy điện Nậm Na 2. Tính đến thời điểm hiện tại, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lai Châu đã ký được 06/06 nhà máy thủy điện đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

 **Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lai Châu**

Ơn cái rừng

Ông Giàng A Lau - Trưởng bản Khao Mang, xã Khao Mang (huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái) cho biết: “Cả bản mình có 60 hộ nhận khoán bảo vệ hơn 200 ha rừng tự nhiên.

Hàng năm ngoài tiền chương trình Nhà nước hỗ trợ bảo vệ rừng 190 nghìn đồng/ha, lại có thêm thu nhập từ tiền dịch vụ bảo vệ môi trường rừng nên bà con phấn khởi lắm. Chúng tôi đã tuyên truyền cho bà con biết giữ rừng là giữ được nhiều nguồn nước cung cấp cho các nhà máy thủy điện thì sẽ có nhiều tiền hơn nữa, đời sống bà con sẽ không còn phải bữa đói, bữa no...”

Đó là câu chuyện về “lấy rừng nuôi rừng” của bà con xã Khao Mang. Sau gần 4 năm triển khai thực hiện Nghị định 99/2010/NĐ-CP về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đã tạo ra những chuyển biến rõ rệt trong việc huy động nguồn lực xã hội phục vụ công tác bảo vệ rừng, cải thiện sinh kế cho người dân.

Phần lớn các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Đây cũng là bước ngoặt quan trọng đánh dấu sự chuyển biến tích cực trong việc giúp người dân nhận khoán, khoán nuôi, bảo vệ rừng được hưởng lợi, nâng cao thu nhập.

Một người dân trong xã chia sẻ: “Cái rừng không chỉ che chở cả ngàn đời cho người dân chúng tôi mà còn ngăn lũ kéo về bản làng bảo vệ bình yên cho từng thôn bản... mà giờ đây rừng còn giúp bà con có thêm nguồn thu nhập ổn định, giúp cho con em mình có cơ hội đến trường học cái chữ. Mình ơn cái rừng nhiều lắm”.

Nghe chuyện này mà thấy mừng cho người dân vùng cao. Mặc dù cuộc sống của bà con đã có nhiều đổi thay từ sự quan tâm của các cấp từ Trung ương tới địa phương với

nhiều chương trình, dự án... nhưng vẫn còn vô vàn khó khăn.

Nguồn thu ít ỏi từ những buổi chợ phiên khi bán đi con gà, con lợn, bó măng... cũng chỉ để thêm thắt chi tiêu. Thế nhưng giờ đây, nguồn thu từ rừng có thể nói là nguồn thu bền vững.

Theo đó, người trả tiền là tất cả các tổ chức, cá nhân gồm: Các cơ sở sản xuất thủy điện, các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch, các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước, các tổ chức, cá nhân có kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng...

Người nhận tiền dịch vụ môi trường rừng là các tổ chức, cá nhân có cung ứng dịch vụ môi trường rừng như các chủ rừng được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng để sử dụng ổn định và lâu dài vào mục đích lâm nghiệp và các chủ rừng là tổ chức tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được giao; các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, cộng đồng dân cư thôn tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được Nhà nước giao...

Hiện 6 tỉnh vùng Tây Bắc (Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Yên Bái) đều đã thành lập và đi vào vận hành đầy đủ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, đến nay đã từng bước thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đến tận tay người dân.

Cùng với các dự án, chương trình giúp vùng cao ngày càng khởi sắc thì dịch vụ môi trường rừng không chỉ góp phần nâng cao nhận thức của toàn xã hội về giá trị phòng hộ của rừng mà còn tạo thêm nguồn thu nhập, góp phần nâng cao đời sống của người trồng rừng.

 **Báo Đại Đoàn Kết ngày 02/3**

Quyền Carbon ở Việt Nam

Việt Nam đang lên kế hoạch tiến hành cách tiếp cận quốc gia tiến tới việc chia sẻ lợi ích REDD+ nơi mà cả nước sẽ được trao thưởng cho việc giảm phát thải thông qua cơ chế tài chính quốc tế thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC). Theo quyết định số 799 về chương trình quốc gia REDD+, cơ chế chia sẻ lợi ích tại Việt Nam được dựa trên Quỹ quốc gia REDD. Quỹ này được thành lập dưới Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (VNFF). Sau nhiều năm làm việc về đề án cụ thể của Quỹ REDD+, Quỹ sẽ được thiết lập có cơ chế nhà nước và được thành lập chỉ ở cấp Trung ương và không có các quỹ bổ sung ở cấp tỉnh. Quỹ sẽ huy động và nhận đóng góp, trợ cấp từ nước ngoài, các tổ chức hoặc cá nhân cho các hoạt động của REDD+ cũng như trợ cấp tự nguyện từ các đối tượng trong nước. Đối với việc chi trả trong nước vì những lợi ích tài chính thông qua quỹ REDD+, chương trình quốc gia về chi trả DVMTR có thể làm như một bản kế hoạch. Chi trả DVMTR đã bao gồm dịch vụ môi trường carbon đóng vai trò là một trong bốn dịch vụ môi trường được xem xét khi quyết định chi trả trực tiếp và gián tiếp cho những nhà cung cấp dịch vụ thông qua các hoạt động bảo vệ rừng.

Chỉ mới gần đây, xung quanh định nghĩa về quyền Carbon, ai nên sở hữu và ai nên được hưởng lợi ích từ những quyền đó mới được đem ra thảo luận và Chính phủ đã nhận thức được những lỗ hổng trong thể chế luật pháp. Tuy nhiên, hiện tại, rừng và những chính sách liên quan đã cho thấy nhiều điều về việc những quyền carbon có thể được định nghĩa tại Việt Nam, và do đó cần phải được làm rõ hơn thông qua chương trình quốc gia REDD+. Theo luật Hiến pháp của Việt Nam thì nguồn tài nguyên rừng và đất đai thuộc về người dân. Nhà nước đóng vai trò là người đại diện của nhân dân và quản lý nguồn tài nguyên cho mục đích sử dụng dài hạn một cách ổn định. Theo một vài tổ chức có đóng góp như Chương trình UN-REDD – đã hỗ trợ tiến trình sẵn sàng REDD+ theo định hướng quốc gia, điều này có nghĩa là cả nước sẽ được tặng thưởng vì sự giảm thiểu phát thải và do đó không cần phải định nghĩa những quyền carbon cho cá nhân nữa. Tuy nhiên, Luật Đất đai năm 2003 quy định: Nhà nước sẽ trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thông qua việc chia đất, thuê đất và công nhận quyền sử dụng đất cho những cá nhân đang sử dụng đất ổn định, cũng như định nghĩa cụ thể về quyền sở hữu, quản lý và sử dụng đất. Những người sử dụng đất được thừa nhận bao gồm các khối tổ chức,

cộng đồng, hộ gia đình và cá nhân. Những người nắm giữ đất phải sử dụng một cách kinh tế, hiệu quả và với thái độ bảo vệ môi trường. Nếu người nắm giữ đất tuân theo khoản 11 thì họ sẽ có quyền được hưởng lợi ích từ công sức lao động và kết quả đầu tư vào đất. Hơn nữa, họ có thể nhận thức được lợi ích gia tăng từ những công việc của nhà nước cho việc bảo vệ và cải thiện đất nông nghiệp, cũng như quyền được ban hành chứng nhận quyền sử dụng đất (khoản 105). Theo lý luận của luật này thì quyền cá nhân cho dòng lợi ích được sinh ra từ các hoạt động sử dụng đất có thể áp dụng các hoạt động REDD+ được. Với trường hợp cụ thể của rừng tự nhiên, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 đã quy định việc quản lý riêng biệt và quyền đưa ra quyết định thuộc về Nhà nước. Điều này bao gồm quyền điều chỉnh bất kỳ lợi ích và lợi nhuận sinh ra từ rừng tự nhiên. Tương tự với Luật Đất đai “cung cấp cho người sử dụng rừng một số quyền quản lý rừng cũng như quyền tạo ra thu nhập và lợi ích từ sức lao động và đầu tư vào đất rừng”. Về lý thuyết, điều này có nghĩa là người sở hữu rừng sẽ có quyền nhận giá trị gia tăng từ khoản chi trả carbon tới điểm mà họ được phân đất’.

Cuộc tranh luận về quyền carbon còn phức tạp hơn nữa khi khu vực cá nhân trong nước nêu ra những lo lắng gần đây, điển hình là chế biến gỗ và nền công nghiệp nội thất. Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 và Nghị định số 99 về việc chi trả dịch vụ môi trường rừng công nhận rõ ràng rằng người mua có thể mua những sản phẩm và dịch vụ từ rừng, trả tiền cho những người bảo vệ và tái sản xuất rừng. Theo điều 84, Luật Bảo vệ môi trường, việc giao dịch thải khí carbon với người mua quốc tế phải được sự đồng ý của Thủ tướng. Theo Quyết định số 1775/QĐ-TTg của Thủ tướng về việc thông qua dự án quản lý việc thải khí ga nhà kính, quản lý các hoạt động kinh doanh tín dụng carbon với thị trường thế giới, các tổ chức trong nước và quốc tế, khu vực tư nhân, các thể chế luật pháp liên quan tới việc phát triển, thực hiện và quản lý các hoạt động REDD+ có thể dẫn tới việc chỉ định tín dụng carbon trong thị trường khí carbon tự nguyện hoặc sau này là bắt buộc nên được khuyến khích và hỗ trợ. Theo sự giải thích về mặt pháp luật, khu vực tư nhân có thể hiện tại không có quyền sở hữu đất rừng. Tuy nhiên, khu vực tư nhân có thể đạt được quyền hưởng lợi ích từ những hoạt động REDD+ thông qua quyền sử dụng được ấn định chính thức. Một vài cổ đông trong nước từ khu vực tư nhân đã tham gia các cuộc hội thảo, thảo luận REDD+ đòi hỏi những những



Ảnh: Sư tửm

khuyến khích quan trọng để họ tham gia vào các dự án REDD+ để đạt được những quyền có được lợi ích từ những hoạt động REDD+.

Như đã phân tích ở trên, sự giải thích chính xác về quyền carbon, đặc biệt là người được quyền có dòng lợi ích thì vẫn là không rõ ràng bởi vì sự phức tạp của các tài liệu luật pháp hiện tại và cơ chế REDD+. Chương trình quốc gia REDD+ 2012 được kì vọng để giải quyết sự thiếu rõ ràng đó, tuy nhiên quyền carbon vẫn được xem xét trong các cuộc thảo luận chính trị cho đến nay. Tuy nhiên, chương trình quốc gia REDD+ nhấn mạnh rằng một trong những giải pháp chiến lược cho REDD+ trong tương lai là thiết lập khung pháp lý về quyền carbon trong 5 năm tới. Hơn nữa, cơ cấu của cơ chế chia sẻ lợi ích được lồng vào các chương trình quốc gia REDD hiện tại có sự liên hệ khác nhau với sự thừa nhận quyền carbon.

Sự thật là Chính phủ cuối cùng cũng quyết định thành lập một Quỹ REDD+ quốc gia theo cơ chế Nhà nước và Quỹ này chỉ được thành lập ở cấp độ quốc gia – bao hàm quyền carbon sẽ thuộc về người dân và được quản lý bởi chính phủ. Do đó, các chủ thể không phải Nhà nước sẽ hạn chế đòn bẩy sự phân bổ quyền carbon. Tuy nhiên, giao tiếp cá nhân với đại diện từ Bộ NN&PTNT và Quỹ REDD+ quốc gia cho thấy những thảo luận và xem xét một cách còn hạn chế về vấn đề này trong kế hoạch REDD+ quốc gia hiện tại và hướng dẫn vận hành cho Quỹ. Trong khi các đối tượng đóng góp và các tổ chức phi chính phủ quốc tế dường như hỗ trợ cách tiếp cận này, các tổ chức xã hội dân sự và tổ chức phi chính phủ bày tỏ sự lo lắng. Họ lo sợ rằng chính quyền địa phương, tổ chức xã hội dân sự và các dự án tại địa phương sẽ không lên tiếng trong tiến trình đàm phán các hoạt động và chi trả REDD+, cũng như lợi ích họ nhận được sẽ bị hạn chế. Đối lại, điều này có thể dẫn tới sự thiếu sót về động lực cho người dân địa phương tham gia trong quá trình và cản trở sự hiệu quả tổng thể của cách tiếp cận này. Tuy nhiên, thậm chí điều chỉnh quyền carbon

như là gắn kết với quyền sử dụng rừng như nêu ra trong Luật Đất đai và Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, người dân địa phương sẽ rơi vào tình trạng bất lợi, lo lắng về cách tiếp cận và hưởng lợi ích từ quyền carbon. Hiện tại, phần lớn rừng chất lượng cao (hơn 85%) được bảo vệ và quản lý bởi các công ty nhà nước, vì vậy lợi ích chính có được từ các hoạt động REDD+ có thể được phân bổ bởi các cơ quan nhà nước. Do đó, khái niệm hóa hiện tại về quyền carbon dựa trên luật đang có thể tái khẳng định sự thiếu công bằng hiện tại mà không tăng cường được tình trạng luật pháp của người dân địa phương.

Tại Việt Nam, bởi vì Nhà nước thay mặt người dân quản lý đất và rừng, Nhà nước sẽ nhận và quản lý lợi ích có được từ các hoạt động REDD+ cho quốc gia. Do đó, dường như Nhà nước có thể sẽ được nắm giữ về mặt pháp lý nếu Nhà nước thất bại trong việc giảm thiểu chất thải. Tuy nhiên, điều này sẽ được áp dụng vào thực tế như thế nào thì vẫn chưa biết. Mặc dù Chính phủ hiện tại đang phát triển một hệ thống bảo vệ REDD+ quốc gia, vấn đề về mặt pháp lý được xem xét. Kinh nghiệm từ việc thực hiện chương trình quốc gia chi trả DVMTR cho thấy rằng Nhà nước cho các chủ thể không phải Nhà nước nhận thầu để quản lý các hoạt động bảo vệ rừng. Trong hợp đồng này thì các chủ thể phi nhà nước có thể phải chịu trách nhiệm trong trường hợp không quản lý được dựa trên tuần tra và quản lý rừng. Tuy nhiên, những nghĩa vụ này không phải luôn luôn được nêu ra và truyền đạt một cách rõ ràng trong hợp đồng bảo vệ rừng chính thức giữa cơ quan nhà nước và các nhà thầu thứ cấp. Nguyên nhân cho việc thiếu sót về sự rõ ràng giữa các đối tượng nằm trong thỏa thuận không chặt chẽ và công tác tuyên truyền còn hạn chế được dành để giải thích rõ ràng những nghĩa vụ đó cho các nhà quản lý rừng. Những vấn đề này cần được xem xét trong sự phát triển tương lai của luật lệ pháp lý REDD+ quốc gia.

 <http://www.mdpi.com/1999-4907/6/4/1031/html>



CHUYÊN MỤC HỎI ĐÁP

Trả lời về trích lập, sử dụng quỹ dự phòng và lãi tiền gửi từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng

?

CÂU HỎI: Sở NN&PTNT tỉnh Hà Giang đề nghị hướng dẫn sử dụng quỹ dự phòng, lãi tiền gửi và tham gia chương trình, dự án Lâm nghiệp tại công văn số 233/SNN-QBVPTR

!

TRẢ LỜI:

Về sử dụng quỹ dự phòng

Theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 6 Thông tư số 85/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (Thông tư 85), Quỹ dự phòng được trích lập, quản lý và sử dụng trong trường hợp có thiên tai, khô hạn trên địa bàn của địa phương; trường hợp trong năm không sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng...; không sử dụng cho các mục đích khác. Đồng thời, theo Khoản 1 Điều 6 Thông tư 85, mức tồn quỹ dự phòng trong năm báo cáo tối đa bằng 5% tiền thu ủy thác DVMTR; vì vậy, số tiền tồn quỹ dự phòng năm trước sẽ được cân đối bù trừ cho số được trích lập quỹ dự phòng của năm báo cáo.

Trường hợp mức tồn quỹ dự phòng năm trước vượt quá số được trích trong năm báo cáo, thì số vượt sẽ được công dồn vào số tiền thu DVMTR trong năm báo cáo để chi trả cho chủ rừng và hộ nhận khoán; Trường hợp số tồn năm trước thấp hơn số được trích trong năm báo cáo thì được tiếp tục trích bổ sung nhưng không được vượt quá 5% mức thu tiền DVMTR trong năm.

Về sử dụng lãi tiền gửi ngân hàng

Về nguyên tắc, lãi của nguồn tiền chi trả DVMTR nào phát sinh vào thời điểm nào, thuộc đối tượng hưởng thụ nào thì được chi trả cho đối tượng đó, từ thời điểm đó. Tuy nhiên, do điều kiện thực tế hiện nay, tiền ủy thác chi trả DVMTR về tài khoản vào các thời điểm khác nhau, trong khi các Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (Quỹ BV&PTR) chưa có phần mềm quản lý chuyên biệt cho nguồn tiền chi trả tiền DVMTR, vì vậy việc bóc tách thủ công lãi tiền gửi ngân hàng theo nguyên tắc nói trên sẽ mất nhiều thời gian, nguồn lực, không đảm bảo độ chính xác và khả thi. Nhằm đảm bảo hiệu quả công việc, đồng thời tuân thủ nguyên tắc tài chính công khai, minh bạch, VNFF đưa ra phương thức phân bổ lãi tiền gửi ngân hàng tiền chi trả DVMTR để đơn vị tham khảo, vận dụng như sau: Hàng năm, sau khi xác định được tổng số lãi tiền gửi ngân hàng trong năm tài chính (từ ngày 1/1 đến 31/12), Quỹ BV&PTR phân bổ theo tỷ lệ tương ứng: 10% quản lý phí, 5% quỹ dự phòng, số còn lại (85%) được phân chia cho các lưu vực theo tỷ lệ tương ứng với mức tiền thu tiền DVMTR thu được trong năm tài chính của từng lưu vực và được công dồn vào tiền chi trả DVMTR (85%) để chi trả cho các chủ rừng, hộ nhận khoán. Việc phân chia lãi tiền gửi ngân hàng phải được thể hiện trong kế hoạch thu chi tiền chi trả DVMTR hàng năm do Quỹ BV&PTR tỉnh xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt.

TIN SẮP TỚI

1 Tập huấn về kỹ năng truyền thông tại Lào Cai, Huế và Kon Tum (tháng 6/2015)

2 Hội thảo tham vấn kết quả ban đầu về đánh giá hiện trạng và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định 99/2010/NĐ-CP (tháng 6/2015)

3 Hội thảo kết thúc dự án xây dựng cơ sở dữ liệu về chi trả dịch vụ môi trường rừng (DPFES)



Tầm nhìn VNFF

Đến năm 2020, **Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam** phấn đấu trở thành một tổ chức tài chính Nhà nước tiên phong tại Việt Nam cũng như trong khu vực Đông Nam Á với mục tiêu hỗ trợ phát triển ngành Lâm nghiệp một cách có hiệu quả thông qua việc huy động các nguồn lực xã hội cho: Bảo vệ và phát triển rừng; Quản lý rừng bền vững; Giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu; Cải thiện sinh kế cho người làm rừng; Bảo tồn đa dạng sinh học.

VÌ TƯƠNG LAI XANH VIỆT NAM

QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM

Nhà A5, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 04. 37246771 • Fax: 04. 37246770
www.vnff.mard.gov.vn

*Chịu trách nhiệm về nội dung và xuất bản: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.
Giấy phép xuất bản số 50/GP-XBBT ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông.*

Thiết kế và sáng tạo: Admixstudio.com